

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
CHỦ ĐỀ IV: BÉ YÊU CÁC CÔ, CÁC BÁC

Thời gian thực hiện 3 tuần: Từ ngày 13/11- 01/12/2024

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

ST T	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Hoạt động giáo dục (Chơi, học, lao động, ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân)
I. Lĩnh vực giáo dục phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động			
* Thực hiện các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp			
1	MT1. Trẻ thực hiện các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng, và chân.	-Thực hiện các động tác hô hấp, tay -vai, lưng bụng lườn, chân - bật trong giờ thể dục sáng và các động tác tay - vai, lưng bụng lườn, chân - bật trong bài tập phát triển chung giờ hoạt động phát triển thể chất.	Thể dục sáng: Tập với bài “Tập với giấy” - Hô hấp “Thổi giấy” Đưa hai tay lên miệng, hít vào thở ra thật sâu (Tập 2 - 3 lần) - Động tác 1: Tay-vai + TTCB: Đứng tự nhiên hai tay cầm giấy thả xuôi. Nhịp1: Hai tay đưa lên cao nói “Điều bay cao” Nhịp 2: Hạ tay xuống nói “Điều bay thấp” (Tập 3 - 4 lần) - Động tác 2: Lưng- lườn + TTCB: Hai tay cầm giấy đưa lên cao. Nhịp1: Nghiêng người sang bên trái “Điều bay sang trái”. Nhịp2: Nghiêng người sang bên phải “Điều bay sang phải” (Tập 3 - 4 lần) - Động tác 3: Chân + TTCB: Đứng tự nhiên hai tay cầm giấy thả xuôi. Nhịp 1: Hai tay cầm giấy ngồi xuống “Điều bay xuống thấp”. Nhịp2: Hai tay cầm giấy đứng lên “Điều bay lên”
* Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu			

2	MT2. Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh – chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bệ vật trên tay, bật tại chỗ, bật qua vạch kẻ, bật xa.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi trong đường hẹp - Đi theo đường đích dắc 	<p>TDBS: Đi, chạy thay đổi tốc độ nhanh, chậm theo hiệu lệnh của cô.</p> <p>- HD chơi tập có chủ định:</p> <p>Vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi theo đường đích dắc +TCVĐ: Kéo co - Đi trong đường hẹp +TCVĐ: Lăn bóng vào rổ
3.	MT3. Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt tung bắt bóng với cô.	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng bằng hai tay 	<p>TDBS: Đi, chạy thay đổi tốc độ nhanh, chậm theo hiệu lệnh của cô.</p> <p>- HD chơi tập có chủ định:</p> <p>Vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng bằng hai tay +TCVĐ: Thi xem ai nhanh
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
* Có một số nền nếp thói quen tốt trong sinh hoạt			
6	MT8. Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện nền nếp thói quen trong ăn uống: Ăn chín uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn. 	<p>- Tổ chức giờ ăn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tập cho trẻ ăn các món ăn, ăn hết xuất. + Luyện tập cho trẻ 1 số thói quen tốt trong ăn uống như: Ăn chín, uống chín, uống nước sau khi ăn. + Vệ sinh trước và sau khi ăn: Cô giúp trẻ rửa tay, lau mặt, lau miệng...
7	MT9. Trẻ quen với chế độ ngủ 1 giấc buổi trưa	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện thói quen ngủ một giấc trưa 	<p>- HD ngủ trưa: + Giáo viên tổ chức tốt giờ ngủ trưa cho trẻ, tạo cho trẻ có thói quen ngủ một giấc trưa thời gian từ 140 - 150 phút.</p>
* Thực hiện một số việc tự phục vụ			
9	MT11. Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (Lấy nước uống, đi vệ sinh...)	<ul style="list-style-type: none"> - Nói với người lớn khi có nhu cầu vệ sinh. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. 	<p>- Tổ chức giờ ăn: + Cho trẻ tập xúc cơm ăn.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ăn xong tập lau miệng, cầm ca uống nước <p>- HD vệ sinh: Biết gọi cô khi đi vệ sinh.</p>

			<p>- Chơi tập buổi chiều: Rèn thói quen vệ sinh, cá nhân môi trường.</p> <p>- Giờ vệ sinh – trả trẻ: Cho trẻ lau mặt</p>
II. Lĩnh vực giáo dục phát triển nhận thức			
* Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi			
11	MT17. Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên của cô giáo, các bạn, cô giáo nhóm/lớp.	<p>- HD chơi tập có chủ định: + NB: Trò chuyện về ngày 20/11 + NB: Cô nuôi dưỡng; + NB: Công việc của các cô, các bác ác cô bác trong trường Mầm non. - DCNT: Quan sát cô giáo; Trò chuyện cùng cô giáo lớp 3 tuổi. Trò chuyện cùng bác bảo vệ. Quan sát cô giáo lớp em. Quan sát phòng cô hiệu trưởng, cô y tế. - HD đón trả trẻ: trò chuyện về bản thân bé. - HD chơi tập buổi chiều: + Trò chuyện về cô giáo lớp mình. + Xem tranh về công việc của cô giáo</p>
12	MT20. Trẻ biết chỉ / nói tên lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ / xanh / vàng theo yêu cầu.	Nhận biết số lượng một và nhiều	- HD chơi tập buổi chiều: Vở BLQVT: Nhận biết màu đỏ, màu xanh (T12)
	MT21. Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/ nhỏ theo yêu cầu.	- Đồ dùng đồ chơi to - nhỏ	- HD chơi tập buổi chiều: + Chọn đồ dùng, đồ chơi theo yêu cầu
III. Lĩnh vực giáo dục phát triển ngôn ngữ			
* Nghe hiểu lời nói			
13	MT24. Trẻ trả lời các câu hỏi “Ai đây?”, “Cái gì đây?”. “...Làm gì?”;	- Nghe, trả lời và đặt câu hỏi “Cái gì đây”, “ Ở đâu”; “	- HD chơi tập có chủ định: + Ôn thơ: Bàn tay cô giáo + Đồng dao: Tập tầm vông

	“Thế nào?” (Ví dụ: “Con gà gáy thế nào”?.....)	Thế nào”; “ Để làm gì”; “ Tại sao”.	
14	MT25. Trẻ có khả năng hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản, trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và các hành động của các nhân vật.	- Nghe hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản, trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- HĐ chơi tập có chủ định: + Truyện: Bác cấp dưỡng.
* Nghe nhắc lại các âm, các tiếng và các câu			
15	MT27. Trẻ đọc được bài thơ, đồng dao, ca dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Nghe và đọc các bài thơ đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, đơn giản.	- HĐ chơi tập có chủ định: + Thơ: Bàn tay cô giáo. + Đồng dao: Tập tầm vông - HĐDCNT: Chơi trò chơi dân gian: Dung dăng dung dẻ, Kéo cưa lừa xẻ, Lộn cầu vòng, Tập tầm vông, Oẳn tù tì.
* Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp			
16	MT28. Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.	- Giờ đón, trả trẻ, giờ chơi: Giao tiếp với cô và các bạn. - Chơi ở các góc: Cho trẻ xem tranh truyện, tranh về công việc của các cô, các bác trong trường. - Chơi tập buổi chiều: Thăm quan phòng tranh về chủ đề và nghe giải các câu đố về trường lớp.
	MT29. Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi trò chuyện - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”; “Cái gì đây?”	- Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “ con gì đây? Cái gì đây?”	- Giờ đón, trả trẻ, giờ chơi: Giao tiếp với cô và các bạn. - Chơi ở các góc: Cho trẻ xem tranh truyện, tranh về công việc của các cô, các bác trong trường. - Đạo chơi ngoài trời: + Chơi với nắp chai + Chơi với nước + Vò giấy báo làm bóng

	IV. Lĩnh vực giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội, thẩm mỹ		
	* Biểu lộ sự nhận thức về bản thân		
19	MT31. Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi)	- Thực hiện được một số yêu cầu đơn giản của giáo viên.	- Mọi lúc, mọi nơi: Con tên là Lan, con 3 tuổi. - LĐVS: Chăm cho cô cái khăn, xếp đồ chơi lên giá, cất ba nô...
	* Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi		
20	MT33. Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói	- Giao tiếp với những người xung quanh	- Giờ đón, trả trẻ: Giao tiếp với cô và các bạn, bố mẹ khi đón v.
22	MT35. Trẻ có khả năng biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ	- Thể hiện một số trạng thái và cảm xúc: Vui, buồn, tức giận qua nét mặt, cử chỉ.	- HD mọi lúc, mọi nơi: Trẻ thể hiện khuôn mặt khi tham gia các trò chơi, các yêu cầu của cô.
	* Thực hiện hành vi xã hội đơn giản		
23	MT37. Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ” chơi cạnh bạn không cấu bạn.	- Chơi ở các góc: Giao lưu với cô và bạn, cảm ơn khi được giúp đỡ, chia quà. - Giờ đón, trả trẻ: Chào cô, chào bạn. - Giờ học, giờ chơi: Cảm ơn bạn khi bạn giúp đỡ. - Mọi lúc, mọi nơi.
25	MT40. Thực hiện một số yêu cầu của người lớn	Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng, chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.	- Giờ ăn: Rèn trẻ cách ngồi đúng chỗ. - HD góc: Cho trẻ xếp đồ chơi đúng nơi quy định. - HD mọi lúc, mọi nơi: Cho trẻ xếp hàng đi vệ sinh, đi rửa tay.
	* Thể hiện cảm xúc qua bài hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh		
26	MT41. Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc	- HD chơi tập có chủ định: + Nghe hát: Em yêu cô giáo, Cô và mẹ. + Dạy hát: Vui đến trường

			- Mọi lúc, mọi nơi: Hát “Trường chúng cháu là trường MN”, Em búp bê. + VĐTN: Vui đến trường +TCÂN: Hưởng ứng cùng gia điệu.
27	MT42. Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút màu di màu, vẽ nguệch ngoạc)	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình, xem tranh.	- HĐ chơi tập có chủ định: Tô màu cái tạp dề - HĐC tập có chủ định: Nặn cái kẹo - Chơi, HĐ ở các góc: Chơi xếp hình, lồng hộp. - Chơi tập buổi chiều: Xem trình chiếu các hoạt động của cô giáo, công việc của các cô cấp dưỡng, bác bảo vệ trông xe, các hoạt động của cô giáo dạy trẻ học, vui chơi.

II. Môi trường giáo dục

1. Môi trường giáo dục trong lớp:

- Tranh trang trí lớp: Các cô giáo dạy học, Các cô BGH, Các cô nhà bếp, Bác cấp dưỡng, Bác bảo vệ.
- Các đồ dùng, đồ chơi dạy học, đồ dùng cấp dưỡng.
- Một số trò chơi, bài hát, câu chuyện... liên quan đến chủ đề
- Trình chiếu, tranh thơ, truyện, đồng dao: Bàn tay cô giáo, Cô và mẹ, Bác cấp dưỡng, Tranh đồng dao “Tập tầm vông”,...
- Các góc chơi, đồ chơi bày ở các góc.
- Một số nguyên liệu sủa tầm từ phụ huynh để làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo.
- Một số nguyên liệu mở: sỏi, vỏ hộp quà, hạt gấc, nắp chai, vỏ chai, bóng báo,...

2. Môi trường giáo dục ngoài lớp:

- Đồ chơi ngoài sân.
- Góc thiên nhiên, Góc trải nghiệm.
- Góc tuyên truyền các mảng có nội dung: Lịch sinh hoạt, các hoạt động trong ngày của trẻ, BVMT, TKNL, phòng chống dịch bệnh...
- Phòng âm nhạc, phòng trải nghiệm, phòng vận động sạch sẽ, thoáng mát
- Vườn rau.

NHẬN XÉT - ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM HIỆU

NGƯỜI KIỂM TRA KẾ HOẠCH

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Nguyễn Thị Hương